TRUNG TÂM TIN HỌC

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI CHUẨN ĐẦU RA TIN HỌC VĂN PHÒNG

Kỳ thi tháng 01 năm 2015

STT	MA SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	Điểm TB môn			Điểm KQ	Kết quả
					Win	Word	EX		
1	11125200	Nguyễn Phan Hoàng	Ân	18/03/1993	9	9,13	10	9,4	**Đạt**
2	12333365	Nguyễn Thị Bảo	Ân	03/08/1994	7,75	5,38	1	4,7	**Không đạt**
3	11123003	Nguyễn Thiên	Ân	14/09/1993	7,5	8,38	2	6	**Không đạt**
4	11161084	Huỳnh Thanh	An	17/10/1993	6,25	5,88	7,5	6,5	**Đạt**
5	11156096	Nguyễn Thị Quản	An	28/08/1993	9	7,88	6,63	7,8	**Đạt**
6	13116272	Trần Điền	An	24/10/1995	8,5	7,88	4,5	7	**Đạt**
7	11149079	Nguyễn Văn	An	17/11/1993	8	4,25	3	5,1	**Đạt**
8	11128001	Đoàn Thị Thúy	An	23/01/1991	8	7,75	8,5	8,1	**Đạt**
9	11128002	Phạm Thị Phương	An	17/02/1993	8,25	8,38	3,5	6,7	**Đạt**
10	11128003	Vũ Nguyễn Thái	An	10/09/1993	8,25	8	5	7,1	**Đạt**
11	10155049	Nguyễn Thị Vân	Anh	10/03/1992	7,5	7,88	1	5,5	**Không đạt**
12	12333363	Phạm Thị Vân	Anh	20/07/1993	5	7,13	1,75	4,6	**Không đạt**
13	11123001	Hoàng Thị Kim	Anh	09/10/1992	6,25	8,75	7,25	7,4	**Đạt**
14	11151022	Lê Tuấn	Anh	07/07/1993	8	5,75	5	6,3	**Đạt**
15	12139041	Huỳnh Minh	Anh	26/04/1994	10	8,88	10	9,6	**Đạt**
16	11333167	Nguyễn Hoàng	Anh	15/01/1993	8,375	7,13	3	6,2	**Đạt**
17	12120455	Vũ Thị Lan	Anh	28/02/1993	5	4	2	3,7	**Không đạt**
18	12145083	Nguyễn Thị Thu	Ba	10/11/1992	9	8	8	8,3	**Đạt**
19	10124275	A Duy	Bảo	11/05/1991	8,25	8,63	2	6,3	**Không đạt**
20	11143036	Trần Quốc	Bảo	02/03/1993	7,25	7,38	7	7,2	**Đạt**
21	11128006	Đỗ Thị Quỳnh	Bích	04/08/1992	6,75	6,75	5,5	6,3	**Đạt**
22	11149094	Nguyễn Trọng	Biên	07/08/1992	8,375	7,88	6	7,4	**Đạt**
23	11149100	Võ Thị Diệu	Bình	21/09/1993	8,25	4,88	4,5	5,9	**Đạt**
24	12138025	Phạm Thanh	Bình	01/07/1993	4,375	4,88	6	5,1	**Đạt**
25	12123221	Nguyễn Thị Mộng	Cầm	25/07/1994	4,25	7,88	3	5	**Đạt**
26	11142003	Đỗ Thị Hồng	Cẩm	08/02/1993	8,5	7,25	9,5	8,4	**Đạt**
27	11146063	Lê Thị	Cẩm	24/04/1993	6,75	7,75	6	6,8	**Đạt**
28	10112012	Trương Thị Ngọc	Cẩm	09/07/1992	8,75	9,38	8	8,7	**Đạt**
29	14163037	Nguyễn Thị Hồng	Cẩm	07/10/1996	9	7,38	5	7,1	**Đạt**
30	11155011	Nguyễn Phúc	Cảnh	12/06/1992	8	7,38	1,88	5,8	**Không đạt**
31	12145089	Lương Thị Phương	Châu	13/06/1994	8,25	8,63	5	7,3	**Đạt**
32	11143181	Phan Thị	Châu	06/02/1993	6,25	4,25	1,75	4,1	**Không đạt**
33	11172002	Nguyễn Thị Lệ	Chi	17/07/1993	8,25	8,38	8	8,2	**Đạt**
34	12333014	Nguyễn Thị Mỹ	Chi	19/11/1993	6,75	5,25	1,75	4,6	**Không đạt**
35	12116225	Trịnh Thị Mỹ	Chi	27/07/1994	8	8,88	7,5	8,1	**Đạt**
36	10125019	Đào Thị Mỹ	Chi	24/07/1992	7,25	8,13	1,5	5,6	**Không đạt**
37	11143122	Đào Thị Thanh	Chung	14/01/1992	4	6,63	0,5	3,7	**Không đạt**
38	11122059	Ngô Thị	Chuyên	25/09/1993	6	6,63	5,25	6	**Đạt**
39	11128008	Đinh Chí	Công	31/10/1993	8,75	8,38	4,5	7,2	**Đạt**
40	11116023	Nguyễn Đình	Cương	04/06/1991	5,375	7,13	1	4,5	**Không đạt**
41	11143223	Nguyễn Quốc	Cường	09/09/1993	7,5	8,63	5,25	7,1	**Đạt**
42	11157090	Vương Quốc Hùng	Cường	15/05/1993	8,375	9,75	3,13	7,1	**Đạt**
43	12333041	Phan Quốc	Cường	01/11/1993	8	5,88	2,13	5,3	**Không đạt**

TRUNG TÂM TIN HỌC

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI CHUẨN ĐẦU RA TIN HỌC VĂN PHÒNG

Kỳ thi tháng 01 năm 2015

STT	MA SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	Điểm TB môn			Điểm KQ	Kết quả
					Win	Word	EX		
44	11128012	Vũ Nguyễn Xuân	Diễm	19/09/1993	8,25	7,63	5	7	**Đạt**
45	12120052	Võ Thúy	Diễm	26/02/1994	4,375	6,88	4	5,1	**Đạt**
46	12333371	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	13/01/1994	8,375	8,38	5	7,3	**Đạt**
47	12336011	Phạm Thị Thu	Diễm	12/04/1994	1,5	3	1	1,8	**Không đạt**
48	12122111	Trần Thị	Diễm	12/12/1994	3,875	4,13	1,25	3,1	**Không đạt**
49	12125128	Phạm Thị	Diệu	02/03/1994	9,875	8,88	9,5	9,4	**Đạt**
50	11124071	Trịnh Phan Ngọc	Diệu	22/02/1993	8,25	6,38	2	5,5	**Không đạt**
51	11149011	Nguyễn Linh	Dương	03/05/1993	8,25	8,5	8,5	8,4	**Đạt**
52	11128016	Trần Thị Mỹ	Dung	05/04/1993	8	7,63	5	6,9	**Đạt**
53	10148032	Nguyễn Thị Phương	Dung	22/02/1992	8,25	9,5	8,25	8,7	**Đạt**
54	11149125	Đinh Thị Cẩm	Dung	15/08/1993	4,5	8,38	3,38	5,4	**Đạt**
55	12122007	Bùi Thị	Dung	15/09/1993	5	5,88	1,88	4,3	**Không đạt**
56	11149137	Nguyễn Văn	Dũng	03/10/1993	8,25	9,75	7,5	8,5	**Đạt**
57	10153003	Nguyễn Đình	Dũng	15/11/1992	7,75	6,13	9,75	7,9	**Đạt**
58	11128023	Nguyễn Tiến	Dũng	29/08/1993	8,25	8,38	3,25	6,6	**Đạt**
59	11113005	Huỳnh Anh	Duy	01/05/1993	6,5	7,88	3,25	5,9	**Đạt**
60	11128017	Nguyễn Quang	Duy	10/07/1993	8,25	8,13	5,25	7,2	**Đạt**
61	12126123	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	15/06/1993	8	9,25	7	8,1	**Đạt**
62	10333017	Võ Nguyễn Mỹ	Duyên	17/07/1992	4,25	7,38	1	4,2	**Không đạt**
63	11128018	Lê Thị Ngọc	Duyên	17/01/1993	2	6,5	8,5	5,7	**Không đạt**
64	11128025	Đỗ Quỳnh	Giao	23/01/1993	8,75	8,63	8	8,5	**Đạt**
65	11161026	Nguyễn Danh	Giá	20/03/1993	6,75	8,63	9	8,1	**Đạt**
66	11128032	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	28/11/1993	6,75	5,75	2,25	4,9	**Không đạt**
67	11127011	Nguyễn Phúc	Hậu	23/02/1993	8,875	8,5	3,25	6,9	**Đạt**
68	12126150	Hồ Thanh	Hậu	25/07/1994	10	8,13	8,5	8,9	**Đạt**
69	11123104	Trương Thanh	Hậu	01/03/1993	7,25	3,88	4,5	5,2	**Đạt**
70	11113102	Nguyễn Hồng	Hậu	24/10/1992	8,375	8,5	6,5	7,8	**Đạt**
71	10158011	Cao Thị Hoa	Hậu	20/01/1992	8,25	6,5	3,5	6,1	**Đạt**
72	11149474	Đặng Thị	Hậu	12/06/1993	6,25	9,13	5	6,8	**Đạt**
73	11117147	Trần Thị Thu	Hằng	20/02/1993	8,75	7,13	3	6,3	**Đạt**
74	14163081	Đỗ Thị Lệ	Hằng	01/06/1996	8,25	6	8	7,4	**Đạt**
75	12149021	Lê Ngô Nguyên	Hạnh	01/08/1993	8,375	8,25	3,5	6,7	**Đạt**
76	11128030	Trần Thị Mỹ	Hạnh	25/08/1992	8,75	8,5	9,5	8,9	**Đạt**
77	11363181	Huỳnh Thị Mỹ	Hạnh	27/08/1993	6,25	4	1,25	3,8	**Không đạt**
78	11172062	Nguyễn Thị Kim	Hà	03/08/1993	8,25	8,25	3	6,5	**Đạt**
79	12123116	Nguyễn Huỳnh Trúc	Hà	30/09/1994	7	7,75	4,5	6,4	**Đạt**
80	12145008	Hồ Trạch	Hào	02/03/1994	7	8	10	8,3	**Đạt**
81	11149162	Lê Thành	Hải	27/04/1993	5,375	5,63	2,25	4,4	**Không đạt**
82	11157121	Nguyễn Vương	Hải	28/11/1993	8,5	8	4,5	7	**Đạt**
83	11126296	Cao Văn	Hải	21/11/1992	9	6,13	3	6	**Đạt**
84	10113210	Đinh Thi Thu	Hiền	18/05/1990	10	7,5	9	8,8	**Đạt**
85	12363230	Lê Thị	Hiền	02/07/1992	7,5	8	8	7,8	**Đạt**
86	11333050	Lê Ngọc	Hiền	01/06/1993	7,5	6	5	6,2	**Đạt**

TRUNG TÂM TIN HỌC

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI CHUẨN ĐẦU RA TIN HỌC VĂN PHÒNG

Kỳ thi tháng 01 năm 2015

STT	MA SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	Điểm TB môn			Điểm KQ	Kết quả
					Win	Word	EX		
87	11120031	Nguyễn Thị Thu	Hiền	01/01/1992	8	7,5	8	7,8	**Đạt**
88	11128033	Lê Thị	Hiên	11/08/1993	4	8	3	5	**Đạt**
89	12122017	Phạm Đăng	Hiễn	08/08/1994	6,75	6,13	1,5	4,8	**Không đạt**
90	12138046	Nguyễn Thế	Hiển	08/11/1993	8	5,38	4	5,8	**Đạt**
91	11113012	Nguyễn Hào	Hiệp	11/12/1993	8,25	9,38	9,5	9	**Đạt**
92	14154093	Trương Bửu	Hiệp	08/10/1996	8,25	8,38	9	8,5	**Đạt**
93	10154012	Phạm Trung	Hiếu	01/01/1992	8,25	4,75	3,25	5,4	**Đạt**
94	10333123	Nguyễn Chí	Hiếu	22/12/1992	5	8,25	3	5,4	**Đạt**
95	13120036	Trần Ngọc	Hiếu	25/07/1995	3,25	5,88	1	3,4	**Không đạt**
96		Trần Văn	Hiếu	02/01/1992	5	5,25	1	3,8	**Không đạt**
97	12111268	Huỳnh Thị	Hoanh	22/03/1993	4,75	9	9,5	7,8	**Đạt**
98	10142047	Đỗ Duy	Hoài	12/07/1992	8	5,13	4,5	5,9	**Đạt**
99	10142048	Nguyễn Thanh	Hoài	16/05/1992	5	8,5	8,5	7,3	**Đạt**
100	11172076	Châu Minh	Hoàng	12/06/1993	8,25	6,38	2,13	5,6	**Không đạt**
101	11157140	Đặng Thị Bảo	Hoàng	25/03/1993	8,25	7,88	5,25	7,1	**Đạt**
102	11149192	Lê Xuân	Hợp	10/12/1993	8,75	5,75	2,25	5,6	**Không đạt**
103	11120065	Nguyễn Thị	Hưng	25/02/1993	6,5	5,25	3,88	5,2	**Đạt**
104	11128041	Nguyễn Kim	Hưng	20/08/1993	7,25	7,38	4,5	6,4	**Đạt**
105	11128036	Lê Hữu	Hòa	30/07/1993	8,5	8,75	9	8,8	**Đạt**
106	11151054	Nguyễn Thị	Hòa	15/10/1992	8	6,38	6,13	6,8	**Đạt**
107	11128044	Nguyễn Thị Mỹ	Hương	30/09/1993	8,25	8,38	1,5	6	**Không đạt**
108	11159003	Nguyễn Thị Quế	Hương	07/07/1993	7,25	8	5	6,8	**Đạt**
109	12120289	Hoàng Thị Diễm	Hương	02/05/1993	4	7,63	1	4,2	**Không đạt**
110	12122150	Nguyễn Thị Thu	Hương	10/07/1994	6,5	6,13	3	5,2	**Đạt**
111	11113118	Đàm Thị	Hường	27/02/1993	8	5,63	4,63	6,1	**Đạt**
112	11142061	Nguyễn Thị Cẩm	Hường	24/09/1992	7,75	7,63	2	5,8	**Không đạt**
113	12424025	Võ Thị Kim	Hường	30/09/1990	8,75	7,38	3	6,4	**Đạt**
114	11172242	Huỳnh Thị	Hường	20/10/1993	6,75	7,38	1,63	5,3	**Không đạt**
115	11157159	Phạm Thị Thu	Hường	10/02/1992	8,25	7,88	1,75	6	**Không đạt**
116	11113109	Vũ Đình	Huấn	19/10/1992	8,25	6,13	6	6,8	**Đạt**
117	10112060	Trần Kim	Huệ	06/03/1992	7,25	6,38	3	5,5	**Đạt**
118	13124145	Phạm Văn	Hùng	24/08/1994	9	7,38	4,25	6,9	**Đạt**
119	11147117	Phan Thanh	Hùng	19/08/1992	7,25	7,75	1,5	5,5	**Không đạt**
120	11151032	Nguyễn	Huy	07/04/1993	8	7,75	5,25	7	**Đạt**
121	10154067	Dương Hoàng	Huy	30/10/1992	7	5,25	3,5	5,3	**Đạt**
122	14154102	Nguyễn Đình	Huy	28/05/1996	9,25	8	9	8,8	**Đạt**
123	12124185	Đặng Thị Thanh	Huyến	15/10/1994	8	6	6,25	6,8	**Đạt**
124	11363045	Ngô Thị Kim	Huyền	08/02/1991	2,25	6,38	3,75	4,1	**Không đạt**
125	12149246	Tạ Thị Khánh	Huyền	27/07/1994	4,5	8,13	3,75	5,5	**Đạt**
126	11128039	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	28/06/1993	8	8,13	2,13	6,1	**Không đạt**
127	11172084	Nguyễn Thị	Huyền	08/09/1993	7,25	7,38	3,5	6	**Đạt**
128	12149244	Nguyễn Thị Thu	Huyền	06/04/1994	2	7,13	1	3,4	**Không đạt**
129	12120075	Nguyễn Thị	Huyền	13/07/1994	7	8,38	3	6,1	**Đạt**

TRUNG TÂM TIN HỌC

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI CHUẨN ĐẦU RA TIN HỌC VĂN PHÒNG

Kỳ thi tháng 01 năm 2015

STT	MA SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	Điểm TB môn			Điểm KQ	Kết quả
					Win	Word	EX		
130	12120513	Lê Thị Mỹ	Huyền	11/02/1994	5,5	7,88	1,75	5	**Không đạt**
131	11149480	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	09/03/1993	7,625	8,38	5,5	7,2	**Đạt**
132	11112119	Văn Thị Yến	Khang	19/04/1993	5,625	5,88	4	5,2	**Đạt**
133	11147153	Nguyễn Công	Khanh	27/10/1993	9	8,13	5,75	7,6	**Đạt**
134	10124080	Trần Quang	Khải	13/11/1992	7,375	4,25	5,5	5,7	**Đạt**
135	11120098	Lê Hoàng	Khải	15/06/1993	3,5	2,75	1	2,4	**Không đạt**
136	11157163	Nguyễn Thị Phương	Khánh	18/10/1993	6	7,63	1,5	5	**Không đạt**
137	10112073	Nguyễn Văn Quốc	Khánh	02/09/1992	8,25	8,13	4,25	6,9	**Đạt**
138	12333307	Trần Cao Kim	Khánh	07/12/1994	7,75	5,88	3	5,5	**Đạt**
139	11333020	Trần Duy	Khánh	07/12/1992	8,25	9,63	4	7,3	**Đạt**
140	11145038	Lê Tấn	Khôi	30/08/1993	8	4,63	1	4,5	**Không đạt**
141	11125063	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	16/12/1993	3,375	8,25	4,75	5,5	**Đạt**
142	10134032	Nguyễn Thị Thanh	Kiều	26/10/1992	8,5	5,75	3	5,8	**Đạt**
143	11141013	Đặng Thị Thúy	Kiều	22/10/1993	6	5,88	3	5	**Đạt**
144	11159006	Võ Thị Mỹ	Kiều	26/01/1992	6,25	5,75	3	5	**Đạt**
145	11128049	Phạm Thùy Phương	Kim	01/10/1993	8	7,38	5	6,8	**Đạt**
146	11145217	Tăng	Kim	30/03/1993	7,75	6,63	4	6,1	**Đạt**
147	11146061	Phan Thị	La	10/09/1993	8,375	7,63	8,75	8,3	**Đạt**
148	11127121	Nguyễn Tiến	Lâm	22/09/1992	8,25	8	3	6,4	**Đạt**
149	12149592	Huỳnh Triệu	Lâm	25/08/1994	8,75	8,25	1,75	6,3	**Không đạt**
150	11333098	Phạm Ngọc Anh	Lâm	08/06/1993	9	8	1	6	**Không đạt**
151	11172097	Huỳnh Thị Xuân	Lai	08/01/1993	8,25	6,25	1,13	5,2	**Không đạt**
152	11126340	Thạch Si Bi	Lai	/ /90	8,25	8	6,25	7,5	**Đạt**
153	14113088	Phạm Hồng	Lam	22/12/1996	4	7,63	5	5,5	**Đạt**
154	11128050	Lương Thị Thanh	Lan	02/01/1992	7	8	1,25	5,4	**Không đạt**
155	10157084	Nguyễn Thị	Lén	16/12/1992	4,5	5,75	0,5	3,6	**Không đạt**
156	11113127	Nguyễn Ngọc	Liêm	10/04/1993	9	5,13	6	6,7	**Đạt**
157	10363059	Nguyễn Thị Thanh	Liêm	01/11/1992	4	7,63	1	4,2	**Không đạt**
158	10173051	Nguyễn Thị	Liễu	14/11/1991	8,25	4,88	1,25	4,8	**Không đạt**
159	14113094	Nguyễn Thị Thùy	Linh	13/08/1996	6,5	4	1	3,8	**Không đạt**
160	11126016	Đoàn Thị Mỹ	Linh	10/02/1993	9	8,13	4,5	7,2	**Đạt**
161	11149023	Huỳnh Thị Trúc	Linh	12/04/1993	8,25	7,75	5,25	7,1	**Đạt**
162	12363044	Đoàn Thị Cẩm	Linh	18/09/1994	8,25	7,5	3	6,3	**Đạt**
163	10142077	Trương Hoàng Mỹ	Linh	15/08/1992	9	8,38	7,75	8,4	**Đạt**
164	11157020	Nguyễn Hoàng Diễm	Linh	18/04/1993	7,75	9,38	2,25	6,5	**Không đạt**
165	12123089	Nguyễn Yến	Linh	21/12/1994	8,375	8,13	7,5	8	**Đạt**
166	11164020	Hoàng Nguyễn Khánh	Linh	20/09/1993	7,25	7,38	3	5,9	**Đạt**
167	12124203	Lê Thị Cẩm	Linh	17/08/1994	6,75	7,88	6	6,9	**Đạt**
168	11149218	Nguyễn Tấn	Linh	07/03/1993	2,5	7,38	1	3,6	**Không đạt**
169	14122064	Hồ Thị Trúc	Linh	27/08/1996	8,25	4,88	1	4,7	**Không đạt**
170	12124206	Nguyễn Thị Phượng	Linh	29/06/1994	8	7,38	5,5	7	**Đạt**
171	10169007	Hà Tuấn	Linh	11/08/1991	7,5	4,75	1	4,4	**Không đạt**
172	12122170	Huỳnh Thị Đức	Lộc	10/06/1994	4,625	6,25	4,13	5	**Đạt**

TRUNG TÂM TIN HỌC

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI CHUẨN ĐẦU RA TIN HỌC VĂN PHÒNG

Kỳ thi tháng 01 năm 2015

STT	MA SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	Điểm TB môn			Điểm KQ	Kết quả
					Win	Word	EX		
173	11172245	Hà Thị Minh	Loan	03/04/1993	6	7,88	6	6,6	**Đạt**
174	11172107	Hoàng Thị	Loan	08/01/1993	6,5	7	5	6,2	**Đạt**
175	11113134	Nguyễn Thị Thùy	Loan	09/11/1993	6,5	7,13	3,25	5,6	**Đạt**
176	11143013	Lương Thị Kim	Loan	05/07/1993	8,25	9,63	5,75	7,9	**Đạt**
177	11151013	Nguyễn Đức	Lợi	11/01/1993	9	8,13	7,5	8,2	**Đạt**
178	11333071	Nguyễn Thị Mỹ	Lợi	28/10/1993	6,625	7,88	3,25	5,9	**Đạt**
179	11126157	Nguyễn Phi	Long	25/03/1993	9	9,5	8,25	8,9	**Đạt**
180	10149105	Đinh Văn	Luân	14/02/1992	9	8,63	4,75	7,5	**Đạt**
181	12122172	Trần Minh	Luân	06/09/1994	9	8	3	6,7	**Đạt**
182	11149233	Đặng Thành	Luật	27/03/1993	8,625	9,63	5,25	7,8	**Đạt**
183	11141016	Trần Thị Mỹ	Luyến	28/03/1993	7	7,5	1	5,2	**Không đạt**
184	12363235	Võ Thị	Ly	16/02/1994	2,25	2,63	0	1,6	**Không đạt**
185	11113137	Võ Thị	Lý	17/03/1993	9	8,13	5,5	7,5	**Đạt**
186	11116101	Lê Ngọc	Mẫn	04/10/1992	6,5	6,88	3	5,5	**Đạt**
187	11113139	Nguyễn Thị Trúc	Mai	08/05/1993	7,25	7,5	3	5,9	**Đạt**
188	11336134	Lâm Thị	Mai	02/12/1992	7,75	4,75	4,25	5,6	**Đạt**
189	10157107	Nguyễn Tuấn	Mạnh	18/04/1992	8	5,63	6	6,5	**Đạt**
190	10124266	Nguyễn Thị	Minh	02/03/1991	7	5,88	2,25	5	**Không đạt**
191	11113142	Bùi Hoàng Anh	Minh	27/10/1993	4	8,25	5	5,8	**Đạt**
192	11151027	Phạm Đức	Minh	08/02/1991	8	7,5	4,5	6,7	**Đạt**
193	10157110	Trần Thanh	Minh	05/02/1992	8	5,38	6	6,5	**Đạt**
194	11128062	Nguyễn Châu ánh	Minh	15/08/1993	6	4,88	1,75	4,2	**Không đạt**
195	10142089	Đinh Nguyễn Hoàng	Minh	06/01/1992	9	9,38	8	8,8	**Đạt**
196	12124378	Mạc Thị	Mơ	20/04/1994	7,25	9,38	8	8,2	**Đạt**
197	11157193	Huỳnh Văn	Mới	03/01/1993	7,25	7,38	3	5,9	**Đạt**
198	11171054	Cao Thị Quế	My	06/09/1993	6,5	7,88	3	5,8	**Đạt**
199	11141028	Thạch Thị Chanh	Đa	/ /90	10	7,5	5	7,5	**Đạt**
200	11149071	Vũ Đình	Năm	15/07/1993	5	5,88	1,25	4	**Không đạt**
201	12424002	Trần Minh	Đại	05/05/1990	8,25	5,88	1,5	5,2	**Không đạt**
202	12122123	Nguyễn Thành	Đạt	20/10/1994	4,5	8,63	7	6,7	**Đạt**
203	10124037	Võ Phạm Ngọc	Đạt	16/01/1992	7,75	5,75	3,5	5,7	**Đạt**
204	11127075	Huỳnh Trường Trọng	Đạt	19/01/1993	9	9	5	7,7	**Đạt**
205	10123267	Lê Thành	Đạt	06/10/1992	8,25	5,63	1	5	**Không đạt**
206	11135013	Bùi Nhật	Nam	/ /93	8,375	4,5	2,25	5	**Không đạt**
207	12113119	Đinh Thị	Đào	24/10/1994	8,25	8,25	0,5	5,7	**Không đạt**
208	12149173	Trần Thị Hồng	Đào	08/08/1994	9	8,13	6,5	7,9	**Đạt**
209	12363099	Đặng Thị Hồng	Nên	/ /94	2,25	7,63	3,75	4,5	**Không đạt**
210	12120349	Lê Thị	Nga	05/05/1994	5,25	5,38	6,25	5,6	**Đạt**
211	10121006	Hoàng Thị	Nga	02/04/1991	5,5	4	2	3,8	**Không đạt**
212	11112149	Nguyễn Huỳnh Bảo	Ngân	03/07/1993	6,5	8,63	6	7	**Đạt**
213	10135069	Nguyễn Thị Thu	Ngân	07/09/1992	9	8,13	3,75	7	**Đạt**
214	12111163	Nguyễn Thị Bảo	Ngân	03/07/1993	9,25	6,63	3	6,3	**Đạt**
215	11151067	Trần Thị Kim	Ngân	15/09/1993	8,75	6,25	1,5	5,5	**Không đạt**

TRUNG TÂM TIN HỌC

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI CHUẨN ĐẦU RA TIN HỌC VĂN PHÒNG

Kỳ thi tháng 01 năm 2015

STT	MA SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	Điểm TB môn			Điểm KQ	Kết quả
					Win	Word	EX		
216	11172125	Nguyễn Thị	Ngân	25/04/1990	6	8,13	9	7,7	**Đạt**
217	11158102	Trần Ngọc	Nghĩa	24/02/1993	8,25	6,38	3	5,9	**Đạt**
218	11149029	Phạm Hoàng Trọng	Nghĩa	04/04/1993	5,5	5,5	3	4,7	**Không đạt**
219	11128066	Ma Nguyễn Trọng	Nghĩa	06/07/1993	8	9,13	7	8	**Đạt**
220	12120239	Nguyễn Thị Thùy	Ngoan	21/07/1993	4,25	6,88	1,25	4,1	**Không đạt**
221	11149264	Nguyễn Hồ Anh	Ngọc	31/10/1993	8,25	7,25	6,5	7,3	**Đạt**
222	12363238	Cao Thị Minh	Ngọc	13/11/1994	8	7,38	1,13	5,5	**Không đạt**
223	11157375	Nguyễn Thị Thúy	Ngọc	03/11/1993	8	6,25	3	5,8	**Đạt**
224	11128068	Nguyễn Thị	Ngọc	07/06/1992	5	7,5	1,5	4,7	**Không đạt**
225	12120422	Nguyễn Đỗ Linh Thà	Ngọc	31/10/1994	4	6,5	0,5	3,7	**Không đạt**
226	12126202	Nguyễn Kim	Ngọc	30/06/1994	5,25	9,63	8	7,6	**Đạt**
227	12422021	Nguyễn Thị Tuyết	Ngọc	06/02/1989	7	3,5	2,5	4,3	**Không đạt**
228	10124129	Phạm Thị	Ngọc	24/04/1992	3,125	6	1	3,4	**Không đạt**
229	12122037	Dương Thị Bích	Ngọc	14/10/1993	5,75	8	7	6,9	**Đạt**
230	12120459	Lê Thị Thanh	Ngọc	10/10/1994	6	4,75	0,5	3,8	**Không đạt**
231	13122105	Nguyễn Thị Yến	Ngọc	17/05/1994	6,375	7,5	2	5,3	**Không đạt**
232	11135015	Tôn Hồng	Ngọc	05/03/1993	7,25	10	3	6,8	**Đạt**
233	11113152	Võ Khôi	Nguyên	15/02/1993	9,25	9,5	7	8,6	**Đạt**
234	11157376	Nguyễn Hoàng Thảo	Nguyên	18/05/1993	5	7,25	1	4,4	**Không đạt**
235	10147059	Phạm Thanh	Nguyên	18/06/1991	6,75	6,75	4,5	6	**Đạt**
236	10172036	Nguyễn Trung	Nguyên	03/02/1992	8	6	1,5	5,2	**Không đạt**
237	11113341	Hồ Thị	Nguyên	04/01/1993	7	5,38	3	5,1	**Đạt**
238	11112019	Tô Kiều	Nguyên	05/07/1993	8	8,38	6,5	7,6	**Đạt**
239	10123247	Nguyễn Sỹ	Nguyên	08/05/1992	7,25	7,75	2	5,7	**Không đạt**
240	11157415	Hồ Thị ảnh	Nguyệt	07/03/1993	7	6,75	7	6,9	**Đạt**
241	10124136	Trần Thiện	Nhân	18/09/1992	7,25	7,5	4	6,3	**Đạt**
242	11363130	Trịnh Hồng	Nhân	13/12/1993	9,5	6,75	1	5,8	**Không đạt**
243	10336131	Trần Mộng	Nhất	01/10/1992	2,25	7,25	0,5	3,3	**Không đạt**
244	11151035	Nguyễn Cửu Minh	Nhật	01/07/1991	9,25	9,38	10	9,5	**Đạt**
245	13112196	Trần Thị	Nhàn	14/03/1994	5,5	7,88	4,5	6	**Đạt**
246	10112309	Phạm Thị Thanh	Nhàn	28/03/1990	7	5	2,13	4,7	**Không đạt**
247	10124140	Trần Mẩn	Nhi	11/08/1992	7,25	8,75	5,5	7,2	**Đạt**
248	14111130	Huỳnh Trung	Nhi	19/10/1996	8	9	6	7,7	**Đạt**
249	11128074	Nguyễn Du Yến	Nhi	24/08/1993	7,75	8,25	3,5	6,5	**Đạt**
250	11124101	Trần Lại Như	Như	14/03/1993	8,25	9,5	3,5	7,1	**Đạt**
251	12363104	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	16/12/1993	7	9,25	8,5	8,3	**Đạt**
252	11116063	Võ Thị Huỳnh	Như	09/06/1993	8	7	3	6	**Đạt**
253	13121114	Nguyễn Phạm Minh	Nhựt	29/03/1992	5,375	7,75	1	4,7	**Không đạt**
254	11120118	Đặng Hửu	Nhơn	04/06/1993	7,75	8,25	3	6,3	**Đạt**
255	10121003	Phùng Xuân	Nhượng	10/11/1991	8,75	4,75	3,5	5,7	**Đạt**
256	11363051	Nguyễn Thị	Nhung	28/03/1993	7,625	5,5	2	5	**Không đạt**
257	11126178	Trịnh Thị	Nhung	14/03/1993	7	9	3	6,3	**Đạt**
258	12149050	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	15/07/1994	8,75	9,5	10	9,4	**Đạt**

TRUNG TÂM TIN HỌC

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI CHUẨN ĐẦU RA TIN HỌC VĂN PHÒNG

Kỳ thi tháng 01 năm 2015

STT	MA SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	Điểm TB môn			Điểm KQ	Kết quả
					Win	Word	EX		
259	12149610	Trần Thị	Nhung	27/01/1994	6,125	7,25	2,88	5,4	**Không đạt**
260	11147101	Nguyễn Tuyết	Nhung	10/12/1993	5	9	1	5	**Không đạt**
261	11147078	Trần Thị Quỳnh	Nhung	16/05/1993	7,75	9	1,5	6,1	**Không đạt**
262	11172235	Huỳnh Thị	Điệp	24/05/1993	8	7,75	5,5	7,1	**Đạt**
263	10112030	Hoàng Văn	Điệp	20/12/1991	5	8	3	5,3	**Đạt**
264	11149469	Nguyễn Thị Hồng	Điểu	02/01/1993	4,25	7,5	5	5,6	**Đạt**
265	10137033	Nguyễn Duy	Đoan	05/03/1987	9,375	7,5	1	6	**Không đạt**
266	11148091	Trần Nguyễn Minh	Đoàn	10/08/1993	9	7,5	7	7,8	**Đạt**
267	10157041	Trương Đoàn	Định	19/10/1990	7	9,38	6,5	7,6	**Đạt**
268	13115190	Trần Công	Định	15/01/1995	9	9,25	9,5	9,3	**Đạt**
269	10151007	Nguyễn Huỳnh Công	Đức	14/08/1992	8	6,75	2	5,6	**Không đạt**
270	11113090	Nguyễn Hồng	Đức	20/05/1993	6,875	5,5	6,5	6,3	**Đạt**
271	11126100	Trần Minh	Đức	26/03/1993	4,75	7,75	2,25	4,9	**Không đạt**
272	11122096	Đào Thị Hoàng	Oanh	10/05/1993	6,25	7,25	2,25	5,3	**Không đạt**
273	12425012	Cao Thị Kim	Oanh	16/12/1989	4,5	5,5	1,5	3,8	**Không đạt**
274	11115014	Nguyễn Văn	Pháp	01/11/1992	7	7,13	1	5	**Không đạt**
275	13334138	Đinh Văn	Phi	28/01/1995	8,5	8	6,5	7,7	**Đạt**
276	11128084	Huỳnh Thị Tuyết	Phượng	19/11/1993	9	10	3	7,3	**Đạt**
277	12423116	Nguyễn Thị Mỹ	Phượng	14/12/1988	8,375	6,75	3	6	**Đạt**
278	11113027	Nguyễn Minh	Phương	04/12/1993	8	9,5	3	6,8	**Đạt**
279	11172142	Chu Nguyễn Mai	Phương	25/04/1993	8	9,75	5	7,6	**Đạt**
280	12120015	Vũ Hà	Phương	06/08/1994	7	6	3	5,3	**Đạt**
281	10148189	Huỳnh Bích	Phương	27/08/1992	7,25	5,63	3	5,3	**Đạt**
282	11116067	Trần Văn	Phương	03/07/1992	6,5	8,25	1,5	5,4	**Không đạt**
283	11155007	Văn Thị	Phương	05/03/1993	7,25	5,5	1,63	4,8	**Không đạt**
284	10336149	Nguyễn Văn	Phương	18/11/1991	2	5,75	1,5	3,1	**Không đạt**
285	11333096	Trần Thị Kim	Phương	08/04/1992	6,75	8,25	3	6	**Đạt**
286	11124039	Trần Hồng Đức	Phước	07/08/1993	7,5	6	1,5	5	**Không đạt**
287	11113028	Trần Huỳnh	Phước	30/01/1993	6,25	5,75	4	5,3	**Đạt**
288	12145029	Nguyễn Thị	Phước	10/04/1994	7	8,25	0	5,1	**Không đạt**
289	10344019	Trần Hữu	Phước	12/12/1992	7,5	5,25	1,5	4,8	**Không đạt**
290	11161103	Cao Hoàng Y	Phụng	11/11/1993	4	8	1,5	4,5	**Không đạt**
291	11333189	Lê Thanh	Phúc	05/04/1993	7,25	9	1,5	5,9	**Không đạt**
292	11113026	Nguyễn Văn	Phúc	08/11/1992	7,25	7,5	4	6,3	**Đạt**
293	12145291	Lương Hoàng	Phúc	01/10/1994	6,5	6,5	7	6,7	**Đạt**
294	11149310	Nguyễn Kim	Quân	03/02/1993	6,5	9,5	3	6,3	**Đạt**
295	11333140	Bùi Trung	Quân	20/04/1993	9	8,25	9,5	8,9	**Đạt**
296	11149309	Đinh Ngọc	Quân	22/07/1993	7	9,75	1	5,9	**Không đạt**
297	10147070	Nguyễn Trọng	Quang	07/08/1992	3	5	1,5	3,2	**Không đạt**
298	12112036	Lý Nhật	Quang	12/06/1994	10	9,5	10	9,8	**Đạt**
299	12149373	Hoàng Văn	Quảng	21/12/1994	8	6	1,5	5,2	**Không đạt**
300	10138023	Nguyễn Tấn	Quí	25/07/1991	9,75	6,5	4	6,8	**Đạt**
301	11127179	Phan Văn	Quốc	/ /93	7,125	9,75	9,5	8,8	**Đạt**

TRUNG TÂM TIN HỌC

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI CHUẨN ĐẦU RA TIN HỌC VĂN PHÒNG

Kỳ thi tháng 01 năm 2015

STT	MA SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	Điểm TB môn			Điểm KQ	Kết quả
					Win	Word	EX		
302	11333104	Nguyễn Anh	Quốc	06/10/1993	8,25	8	2	6,1	**Không đạt**
303	12125042	Lê Thị	Quyến	30/04/1993	4,5	7,5	3	5	**Đạt**
304	12424070	Nguyễn Thế	Quyền	04/01/1988	7,25	6,75	1,5	5,2	**Không đạt**
305		Nguyễn Nam	Quyền	14/02/1991	6,5	8,25	1,5	5,4	**Không đạt**
306	12120462	Lê Thảo	Quyên	08/09/1994	8,5	9,63	2	6,7	**Không đạt**
307	13112250	Phạm Ngọc Uyên	Quyên	05/08/1995	9,5	9,25	8	8,9	**Đạt**
308	11155030	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	04/11/1993	6	4,75	3	4,6	**Không đạt**
309	11151074	Đỗ Trọng	Quỳnh	23/06/1991	7,25	5,5	0,5	4,4	**Không đạt**
310	11157058	Hồ Thị Như	Quỳnh	12/01/1993	6	8,25	5,5	6,6	**Đạt**
311	11113030	Trần Đình	Quý	12/05/1993	6,5	5	3,5	5	**Đạt**
312	11148329	Nguyễn Thị	Quý	26/02/1993	9,5	8,25	6	7,9	**Đạt**
313	14155098	Chanh Đa Ra	Ríth	13/11/1996	5,25	7,25	2	4,8	**Không đạt**
314	10172042	Trương Vũ Băng	Sa	30/06/1992	8	9	7,5	8,2	**Đạt**
315	10124163	Trương Hoàng	Sang	27/01/1992	6,5	4,5	8	6,3	**Đạt**
316	12149386	Nguyễn Uyên Ngọc	Sang	22/11/1994	9	9	10	9,3	**Đạt**
317	11113179	Đinh Phúc	Sang	20/05/1993	9,25	9,25	9	9,2	**Đạt**
318	12145174	Nguyễn Thị Thuý	Sang	22/02/1994	6,5	8,13	6,5	7	**Đạt**
319	10153032	Phan Văn	Sáng	15/02/1992	6,25	3,5	1,5	3,8	**Không đạt**
320	11172008	Chiếng Sủi	Sín	17/11/1993	7,75	9,5	9	8,8	**Đạt**
321	10113247	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	13/03/1991	3,75	6,5	3	4,4	**Không đạt**
322	12138093	Nguyễn Minh	Tâm	15/09/1994	5	6,5	2	4,5	**Không đạt**
323	11122093	Dương Thế	Tâm	19/07/1993	9	7	6	7,3	**Đạt**
324	10172050	Trần Đinh Bảo	Tâm	11/03/1992	6,75	6	5,5	6,1	**Đạt**
325	12124393	Nguyễn Thị	Tâm	16/10/1994	8	7	4	6,3	**Đạt**
326	10122140	Lê Long	Tấn	05/01/1992	8,375	8,75	8,5	8,5	**Đạt**
327	12124278	Phan Minh	Tân	05/04/1994	9,25	7	1	5,8	**Không đạt**
328	11172260	Trần Thị	Tân	23/03/1993	7,375	6,25	2	5,2	**Không đạt**
329	11172157	Nguyễn Văn	Tân	20/10/1993	7,25	6	2	5,1	**Không đạt**
330	12363300	Tăng Thị Thu	Tỉnh	10/03/1994	7	6	1,75	4,9	**Không đạt**
331	10172049	Trần Công	Tài	17/05/1992	5,75	5,75	6,5	6	**Đạt**
332	11149507	Nguyễn Đức	Tài	18/09/1993	7,75	6	4	5,9	**Đạt**
333	11171144	Hồ Phi	Thân	18/03/1992	6	9	2,25	5,8	**Không đạt**
334	10157175	Nguyễn Thị Thu	Thân	20/11/1992	7,5	7,75	3	6,1	**Đạt**
335	12122227	Phạm Thị Hồng	Thắm	17/10/1994	8,5	8,5	3,5	6,8	**Đạt**
336	12122228	Phạm Thị Ngọc	Thắm	04/03/1994	8	8,75	9	8,6	**Đạt**
337	11145037	Nguyễn Việt	Thắng	19/11/1993	6,75	5,75	4,5	5,7	**Đạt**
338	11116080	Đặng Hoàng	Thắng	25/03/1993	8,125	7	6,5	7,2	**Đạt**
339	11135059	Nguyễn Thị út	Thanh	15/02/1993	8,5	7,75	2	6,1	**Không đạt**
340	12124368	Trương Tấn	Thanh	94/ /	6,75	4	2	4,3	**Không đạt**
341	12363296	Tô Hồng	Thanh	10/03/1994	4,25	7,25	2	4,5	**Không đạt**
342	11157274	Trần Ngọc	Thanh	28/10/1993	8,375	8,5	6,5	7,8	**Đạt**
343	14138088	Nguyễn Đăng Trung	Thành	05/03/1995	8,875	9,75	8	8,9	**Đạt**
344	11113322	Trần Quốc	Thái	07/09/1992	2	6,75	1,75	3,5	**Không đạt**

TRUNG TÂM TIN HỌC

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI CHUẨN ĐẦU RA TIN HỌC VĂN PHÒNG

Kỳ thi tháng 01 năm 2015

STT	MA SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	Điểm TB môn			Điểm KQ	Kết quả
					Win	Word	EX		
345	11172166	Nguyễn Thị Kim	Thái	27/07/1993	2,5	7,13	2	3,9	**Không đạt**
346	11157278	Đinh Đức	Thảo	01/01/1993	9,5	9,25	8,5	9,1	**Đạt**
347	11156115	Lê Thị	Thảo	24/11/1993	6,75	8,5	5,88	7	**Đạt**
348	10142151	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	12/11/1992	8,375	8,5	4,5	7,1	**Đạt**
349	11149340	Nguyễn Thu	Thảo	20/09/1993	10	8,5	8,5	9	**Đạt**
350	11172010	Nguyễn Thị Thu	Thảo	10/09/1993	8,125	8,5	2,25	6,3	**Không đạt**
351	14122381	Phạm Thị Thu	Thảo	20/12/1996	3,5	3,38	1	2,6	**Không đạt**
352	12123169	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	24/10/1993	9,5	8,5	3,25	7,1	**Đạt**
353		Phan Thị Minh	Thảo	06/11/1992	9,25	6,5	4,25	6,7	**Đạt**
354	10126159	Nguyễn Thị	Thảo	08/10/1992	8,25	8,25	4	6,8	**Đạt**
355	11143093	Nguyễn Ngọc	Thảo	19/09/1993	6	6,25	6	6,1	**Đạt**
357	11161108	Đinh Thị Thanh	Thảo	08/01/1993	8,25	6,88	2	5,7	**Không đạt**
358	11336147	Trương Thị Thu	Thảo	/08/92	8,25	7	1,25	5,5	**Không đạt**
359	11127208	Nguyễn Văn	Thế	15/06/1993	8,5	4,25	1	4,6	**Không đạt**
360	14154146	Nguyễn Trung	Thiên	28/09/1996	10	8,25	2,25	6,8	**Không đạt**
361	10125242	Bùi Nguyễn Trọng	Thiện	02/01/1988	8,25	8,75	5	7,3	**Đạt**
362	10123328	Nguyễn Thị	Thiện	03/01/1992	8	5,75	1	4,9	**Không đạt**
363	12333239	Nguyễn Hoàng	Thiện	14/05/1994	9,75	8,5	5,5	7,9	**Đạt**
364	12115125	Nguyễn Thị	Thơ	15/01/1994	7,75	8,5	9,25	8,5	**Đạt**
365	11126035	Nguyễn Thị	Thôi	19/02/1993	3,875	8,13	3	5	**Đạt**
366	11120045	Huỳnh Thị	Thoại	01/01/1993	5	6,5	1	4,2	**Không đạt**
367	10336082	Nguyễn Anh	Thoại	16/03/1991	7,75	2	1	3,6	**Không đạt**
368	11113287	Phạm Ngọc	Thông	22/03/1989	9	6,75	5	6,9	**Đạt**
369	11145254	Trần Viễn	Thông	09/02/1993	2,375	8,88	1,25	4,2	**Không đạt**
370	11157030	Hà Thị	Thơm	06/06/1992	8,25	8	3,75	6,7	**Đạt**
371	11113199	Phạm Hoàng Đức	Thịnh	11/04/1993	7,25	7,25	3	5,8	**Đạt**
372	11157061	Lê Thị	Thời	10/08/1993	8,25	8,25	5,25	7,3	**Đạt**
373	12116134	Nguyễn Thị Yến	Thương	11/11/1994	10	8,75	5	7,9	**Đạt**
374	11128130	Nguyễn Thị Tình	Thương	19/06/1993	7,25	5,88	2,25	5,1	**Không đạt**
375	11142018	Nguyễn Lê Hoài	Thương	09/01/1993	9,875	8,75	6	8,2	**Đạt**
376	12333349	Trần Thị Hoài	Thương	17/10/1994	7	5,75	3,5	5,4	**Đạt**
377	11123184	Trần Thị Thu	Thường	21/06/1993	10	9,75	7,75	9,2	**Đạt**
378	10135100	Ngô Thị	Thu	29/07/1991	8,25	5	3,25	5,5	**Đạt**
379	11135023	Nguyễn Thị Kim	Thùy	10/03/1993	10	7,75	6,25	8	**Đạt**
380	10142164	Đỗ Thị Phương	Thúy	29/10/1992	9	8	2,25	6,4	**Không đạt**
381	11124110	Nguyễn Thị Lệ	Thủy	25/05/1993	7,25	5,88	1	4,7	**Không đạt**
382	10127150	Vũ Thị	Thủy	08/10/1992	4	6,5	2	4,2	**Không đạt**
383	11125103	Nông Thị Kim	Thủy	30/06/1993	9,75	6	2	5,9	**Không đạt**
384	11123049	Đặng Xuân	Tiến	11/09/1993	10	9,5	4,25	7,9	**Đạt**
385	11161008	Bùi Thị Thủy	Tiên	15/08/1992	8,375	8,25	6,5	7,7	**Đạt**
386	11161114	Nguyễn Khương	Tín	28/02/1993	8,25	4,38	1,5	4,7	**Không đạt**
387	11149383	Phan Thanh	Tính	10/11/1993	8,25	9	10	9,1	**Đạt**

TRUNG TÂM TIN HỌC

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI CHUẨN ĐẦU RA TIN HỌC VĂN PHÒNG

Kỳ thi tháng 01 năm 2015

STT	MA SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	Điểm TB môn			Điểm KQ	Kết quả
					Win	Word	EX		
388	12149478	Lê Thị	Tính	14/08/1994	7,75	8,5	6,13	7,5	**Đạt**
389	11116119	Bùi Minh	Toàn	16/08/1993	9,75	7,75	5,5	7,7	**Đạt**
390	12424085	Đoàn Thị Bích	Trâm	21/02/1991	6	9,5	4	6,5	**Đạt**
391	13125566	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	03/10/1995	6,75	7,13	1	5	**Không đạt**
392	12112222	Lê Thị Ngọc	Trâm	11/01/1994	5,5	3,75	1,25	3,5	**Không đạt**
393	12122251	Lê Huỳnh Ngọc	Trâm	22/05/1994	10	8,5	1,5	6,7	**Không đạt**
394	12120440	Võ Ngọc	Trân	28/10/1994	7,75	6,5	3	5,8	**Đạt**
395	12113288	Đặng Thị Ngọc	Trang	22/09/1994	10	7,5	1	6,2	**Không đạt**
396	11111060	Trần Thụy Khánh	Trang	15/04/1992	8,25	8,25	6,5	7,7	**Đạt**
397	12124323	Nguyễn Trần Thanh	Trang	27/03/1994	8,25	8,5	7,13	8	**Đạt**
398	12363301	Lê Ngọc	Trang	23/12/1994	8,25	7,75	2,5	6,2	**Không đạt**
399	11147163	Lê Thị Thùy	Trang	16/05/1993	2,25	7	2	3,8	**Không đạt**
400	11148241	Trương Thị Đài	Trang	01/01/1993	9,25	3,88	3	5,4	**Đạt**
401	11123161	Phạm Minh	Trang	03/11/1993	8,25	6,75	6	7	**Đạt**
402	11161117	Nguyễn Thị Kim	Trang	20/12/1993	9,5	9	2	6,8	**Không đạt**
403	11128104	Phạm Thị Thanh	Trang	16/10/1993	6,25	8,75	5	6,7	**Đạt**
404	11333107	Lý Minh	Trí	18/08/1989	8,25	7,75	3,25	6,4	**Đạt**
405	11149399	Nguyễn Thị Thùy	Trinh	28/10/1993	2,25	4,5	1	2,6	**Không đạt**
406	12124329	Phan Thị Tuyết	Trinh	08/10/1993	4,25	8,25	4,5	5,7	**Đạt**
407	12122314	Đinh Thị Ngọc	Trinh	24/04/1994	4,25	6,75	2	4,3	**Không đạt**
408	11143183	Bùi Thị	Trinh	02/04/1993	4,25	7,75	3	5	**Đạt**
409	12122256	Phạm Hồng	Trình	11/09/1992	8,875	9,5	9	9,1	**Đạt**
410	10147102	Nguyễn Văn	Trường	30/08/1991	8,25	9,5	1	6,3	**Không đạt**
411	10124232	Trần Huỳnh Nhật	Trường	19/01/1992	7,25	9,5	4,75	7,2	**Đạt**
412	12333326	Nguyễn Văn	Trường	26/03/1993	4	6,75	1,5	4,1	**Không đạt**
413	12126074	Đinh Quốc	Trường	30/10/1990	6	9,75	6,25	7,3	**Đạt**
414	10139261	Thiềm Thị	Trường	19/11/1992	4,25	4,75	0,5	3,2	**Không đạt**
415	11117120	Nguyễn Thành	Trung	18/12/1992	3,5	8,25	3,25	5	**Đạt**
416	11111002	Trần Đức	Trung	12/10/1990	9,75	5,5	3	6,1	**Đạt**
417	11143245	Khổng Minh	Trung	18/03/1993	8,375	7,13	1,5	5,7	**Không đạt**
418	10138060	Phạm Quốc	Trung	04/05/1991	8,75	8,75	6	7,8	**Đạt**
419	11125120	Kim Thành	Trung	14/11/1993	8,25	6,75	6	7	**Đạt**
420	10112214	Lưu Thị Thanh	Trúc	24/02/1992	8,25	4,5	4,5	5,8	**Đạt**
421	12333455	Lê Thị Thanh	Trúc	20/07/1994	10	7,75	6,25	8	**Đạt**
422	11142114	Phan Nguyễn Thanh	Trúc	01/06/1993	7,75	6	3	5,6	**Đạt**
423	11147178	Nguyễn Phạm Quốc	Tuấn	10/12/1992	10	7	2	6,3	**Không đạt**
424	10126234	Đinh Thanh	Tuấn	14/11/1991	2,25	7,5	3	4,3	**Không đạt**
425	11157346	Dương Trọng	Tuệ	23/04/1993	8,25	6,5	4,5	6,4	**Đạt**
426	11113041	Nguyễn Thị	Tú	15/02/1992	8	8,5	3,75	6,8	**Đạt**
427	14154160	Vũ Duy	Tú	27/01/1995	9,5	7,25	7,25	8	**Đạt**
428	12363203	Trần Thị Phượng	Tuyến	03/02/1994	8	5,5	3	5,5	**Đạt**
429	10173036	Ngô Thị Ngọc	Tuyền	25/06/1992	8,25	8,25	3,63	6,7	**Đạt**
430	11172194	Lê Thị Mộng	Tuyền	02/01/1993	8	7,75	6	7,3	**Đạt**

TRUNG TÂM TIN HỌC

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI CHUẨN ĐẦU RA TIN HỌC VĂN PHÒNG

Kỳ thi tháng 01 năm 2015

STT	MA SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	Điểm TB môn			Điểm KQ	Kết quả
					Win	Word	EX		
431	10142192	Lâm ánh	Tuyết	01/01/1992	10	10	10	10	**Đạt**
432	11123053	Lưu Thị Yến	Tuyết	15/09/1993	8,125	6	3	5,7	**Đạt**
433	12126295	Nguyễn Trang Tú	Uyên	13/08/1994	10	8,75	7	8,6	**Đạt**
434	12124344	Nguyễn Thị Thảo	Uyên	03/02/1994	8,375	6,75	2,25	5,8	**Không đạt**
435	11113241	Nguyễn Thị Thúy	Vân	04/10/1993	4,25	8,25	3,5	5,3	**Đạt**
436	12333108	Lê Thị Cẩm	Vân	30/04/1994	10	7,5	3,25	6,9	**Đạt**
437	12363324	Nguyễn Thị Tuyết	Vân	01/10/1994	8,25	8,5	2,5	6,4	**Không đạt**
438	11128117	Nguyễn Thị Bích	Vân	11/10/1993	9	8,5	8	8,5	**Đạt**
439	12363039	Phạm Thị Thu	Vân	17/08/1993	6,5	7,75	2,25	5,5	**Không đạt**
440	12112056	Phạm Thị Thúy	Vân	18/08/1993	9,75	8,75	9,5	9,3	**Đạt**
441	12128190	Nguyễn Thị Bích	Vân	01/09/1994	8,25	7,25	0,5	5,3	**Không đạt**
442	10121022	Nguyễn Huỳnh	Văn	10/06/1991	8,75	5	2,25	5,3	**Không đạt**
443	10135138	Lê Anh	Văn	20/03/1991	10	5,5	1	5,5	**Không đạt**
444	11161074	Trần Đăng Bảo	Văn	30/07/1993	10	8,75	3,25	7,3	**Đạt**
445	11157045	Trần Thị Lâm	Viên	26/08/1993	8,75	9	5	7,6	**Đạt**
446	11149437	Nguyễn Huỳnh Thanh	Võ	28/10/1993	9,5	6,75	5,25	7,2	**Đạt**
447	12124351	Nguyễn Thị	Vui	19/03/1994	7,75	4,75	0,5	4,3	**Không đạt**
448	12149654	Phạm Văn	Vũ	10/04/1993	9,75	7,75	3	6,8	**Đạt**
449	11123061	Lưu Hoàn	Vũ	17/06/1993	8,25	8	10	8,8	**Đạt**
450	11157367	Lê Thị Tường	Vy	19/06/1993	8,25	6,25	1,5	5,3	**Không đạt**
451	12122072	Phan Ngọc	Vy	20/10/1994	5	5	2	4	**Không đạt**
452	10160150	Nguyễn Thanh	Xuân	15/04/1992	9,75	8,25	1	6,3	**Không đạt**
453	11113298	Đặng Thị	Xuân	10/07/1993	8,75	6,25	2	5,7	**Không đạt**
454	11123187	Nguyễn Thúy	Xuyên	30/01/1993	8,25	9	3	6,8	**Đạt**
455	12120166	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	28/02/1994	9	8,5	6	7,8	**Đạt**
456	10124305	Ngô Thị Hải	Yến	20/08/1990	9,75	5	0,5	5,1	**Không đạt**
457	12126082	Ngô Thị Thu	Yến	06/01/1993	7,25	6,5	4	5,9	**Đạt**